

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/DS-PT
Ngày: 15/02/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thuỷ

Bà Lê Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2022/TLPT-DS ngày 19/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận I bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 2 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: 207/25/18 Phạm Văn B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Kim E, sinh năm 1970 (Có mặt);

Ông Lê Quốc F, sinh năm 1965 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: 75/12 Đường G, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Kim E: Bà Nguyễn Thị Thùy J, sinh năm 1998 (Có mặt). Địa chỉ: 164A Đường K, Phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số công chứng 05137 ngày 09/12/2022 lập tại Văn phòng công chứng M).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà E: Luật sư Nguyễn Văn N

(Có mặt) – thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 164A Đường K, Phường H, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/5/2022, các lời khai, các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đức A trình bày:

Nguyên trước đây, giữa ông và vợ chồng bà Trần Thị Kim E và ông Lê Quốc F có mối quan hệ quen biết. Do đó vào ngày 01/4/2020 khi cần tiền làm ăn thì vợ chồng ông F và bà E đã mượn của ông số tiền là 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) và hẹn 06 tháng sau sẽ trả dứt điểm số nợ. Nhưng khi đã quá thời gian hẹn thì ngày 19/11/2020, ông F và bà E đến trình bày khó khăn trong việc làm ăn nên xin trả trước số tiền 2.700.000.000 đồng và số tiền còn nợ lại là 2.300.000.000 đồng xin hẹn tháng sau sẽ trả dứt điểm.

Tuy nhiên, ông F và bà E không những không trả được số tiền còn nợ ông là 2.300.000.000 đồng mà họ còn mượn thêm của tôi số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để làm ăn dịp Tết và hẹn qua Tết, cụ thể là đến tháng 02/2021 sẽ trả dứt điểm cho ông tổng nợ cũ và mới là 3.300.000.000 đồng. Thế nhưng ông F và bà E đã thất hứa, tìm đủ mọi lý do để khát nợ cũng như tránh mặt ông.

Mặc dù, ông đã nhiều lần bằng nhiều hình thức như: Gọi điện thoại, nhắn tin và gặp gỡ trực tiếp để yêu cầu bà E và ông F thanh toán nợ, bà E và ông F vẫn không thực hiện và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của mình.

Do vậy ông đã khởi kiện vụ án ra Tòa án yêu cầu:

Buộc bà Trần Thị Kim E và ông Lê Quốc F phải trả cho ông số tiền còn nợ là 3.300.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm triệu đồng).

Do tình hình cả năm qua nền kinh tế ảnh hưởng do đại dịch Covid 19 nên ông cũng thấu hiểu sự khó khăn chung của bà E và ông F nên ông chia sẻ phần lãi suất và không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên đối với bà E và ông F, nhưng bà E và ông F không có bất kỳ thiện chí trả nợ nào cho ông. Do đó nay bằng đơn khởi kiện bổ sung này, ông xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Đối với số tiền bà E ông F vay mượn của ông là: 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng (có giấy tờ vay mượn và ông đã nộp cho Tòa án) đồng thời bà E, ông F cũng đã thừa nhận nợ số tiền trên tại Bản tự khai đề ngày 08/4/2022 mà ông F, bà E đã ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền của ông bà là ông Nguyễn Sỹ Q nộp tại Tòa án. Do đó ông không thay đổi yêu cầu khởi kiện này.

- Đối với số tiền ông F, bà E vay của ông là: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, do lúc cho vay vì cái tình cái nghĩa trong làm ăn nên giữa ông và ông F, bà E chỉ nói miệng với nhau. Mặc dù ông có ghi âm (đĩa ghi âm ông đã nộp cho Tòa án) lúc hai bên cho vay mượn nhưng nay vì để không phải trưng cầu giám định hay vì thêm thủ tục nào khác tránh kéo dài thời gian đôi bên, nên ông kính đề nghị Tòa án cho ông rút yêu cầu này. Khi nào có đủ tài liệu, chứng cứ rõ ràng hơn, ông sẽ khởi kiện ông F, bà E bằng vụ kiện khác sau.

- Về lãi suất nguyên đơn ông Nguyễn Đức A xin điều chỉnh lại mức lãi suất đối với việc yêu cầu bà Trần Thị Kim E, ông Lê Quốc F thanh toán tiền lãi là: Từ 1%/tháng tương đương 12%/năm thành 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, cụ thể số tiền lãi tạm tính từ tháng 02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/6/2022 làm tròn 15 tháng là: $2.3000.000.000 \times 0,83\%/tháng \times 15 \text{ tháng} = 286.350.000$ (Hai trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Kim E và ông Lê Quốc F cùng có ông Nguyễn Sỹ Q đại diện theo ủy quyền trình bày: Xác nhận còn nợ ông A số tiền là 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng .

Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên mới vi phạm trả nợ cho ông A. Nay mong muốn được trả dần hàng tháng ông A tùy theo tình hình kinh tế cho đến khi trả hết số nợ. Còn yêu cầu về lãi suất của ông A sẽ do pháp luật quy định.

Bản án sơ thẩm đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức A:

Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đức A yêu cầu bà Trần Thị Kim E và ông Lê Quốc F trả nợ số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Buộc bà Trần Thị Kim E, ông Lê Quốc F phải trả cho ông Nguyễn Đức A số tiền là 2.586.350.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó: nợ gốc là 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng, nợ lãi là 286.350.000 (Hai trăm tám mươi sáu triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/8/2022, bị đơn bà Trần Thị Kim E kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị xem xét chờ kết quả giải quyết đơn tố cáo của bà E tại cơ quan cảnh sát điều tra.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Thông qua bà Đỗ Thị O nên ông quen biết bà E, ông F và có cho ông F, bà E mượn tiền. Việc tố cáo của bà E về hành vi: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” mà cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận I đã ra quyết định khởi tố vụ án không liên quan gì đến ông. Còn việc bà E tố cáo ông cưỡng đoạt tài sản thì cơ quan công an không có mời ông lên làm việc, bà E có vay mượn tiền thì phải có trách nhiệm trả.

Tại thời điểm cho vay ông có vợ là Nguyễn Thị Thanh P, đây là tiền riêng của ông, Toà án Quận I không có lấy lời khai của vợ ông.

Ông đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Kim E có bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương đại diện trình bày: Đề nghị huỷ án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; không

xem xét việc bà E bị cưỡng đoạt số tiền 2,3 tỷ đồng từ hành vi ép ký nợ của ông A mà bà đã tố giác tại Công an Quận I.

Ông Lê Quốc F trình bày: Ông cũng đồng ý với ý kiến và yêu cầu của bà E.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Kim E:

Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; việc tổng đạt thông báo vụ án cho ông Q là người đại diện hợp pháp của bà E, ông F khi giấy uỷ quyền chưa được ký.

Thực chất bà E không vay tiền của ông A, mà từ mối quan hệ làm ăn giữa bà E và bà Đỗ Thị O. Sau đó bà O đã gán nợ và cộng dồn tiền gốc lãi và ép bà E ký giấy nợ qua ông A. Bà E đã phải chuyển nhượng căn nhà 413/23 B Đường R, Phường S, Quận I với giá 11 tỷ đồng qua tên con bà O. Tuy nhiên sau khi chuyển nhượng xong thì bà O không thực hiện cam kết xoá nợ và trả lại tiền dư từ việc chuyển nhượng mà tiếp tục để ông A khởi kiện bà. Do đó, khi có sự phản bác của bà E, có nhiều mâu thuẫn trong lời khai giữa các bên nhưng toà không đổi chất không đưa vợ chồng bà O và con bà O vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm để giải quyết vụ án đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông A đòi số tiền 1 tỷ đồng và đã rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu này thì tất cả các đương sự đều đồng ý và không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung: Do cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc vay nợ có liên quan đến việc tố cáo của bà E đối với ông Nguyễn Đức A về việc cưỡng đoạt tài sản là số tiền 2,3 tỷ đồng tại cơ quan cảnh sát điều tra.

Đồng thời chưa làm rõ số tiền ông A cho bà E và ông F vay theo giấy nợ là tiền riêng của ông A hay tiền chung vợ chồng.

Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định.

Về người tham gia tố tụng:

Xét trong quá trình sơ thẩm bà E có trình bày về việc vay mượn nợ là của bà Đỗ Thị O; sau đó bà O ép bà chuyển nợ cho ông A và sau khi trả 1 phần nợ thì có thỏa thuận việc cản trừ nợ vào số tiền mua bán căn nhà của con gái bà O. Bà E đã có đơn tố cáo bà O về hành vi huỷ hoại tài sản và hiện công an Quận I đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự;

Đồng thời tại phiên toà phúc thẩm bà E đã nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc tố cáo ông Nguyễn Đức A có hành vi cưỡng đoạt số tiền 2,3 tỷ đồng;

Do đó cần đưa bà O, bà P vào tham gia tố tụng để làm rõ nội dung tranh chấp.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim E:

Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và huỷ bản án sơ thẩm.

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/4/2020 bà E, ông F có vay của ông A số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng) và đến ngày 19/11/2020 đã trả số tiền 2.700.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng), còn lại 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng).

Tại phiên toà phúc thẩm bà Trần Thị Kim E có nộp bổ sung tài liệu chứng cứ liên quan đến việc tố cáo ông Nguyễn Đức A có hành vi cưỡng đoạt số tiền 2,3 tỷ đồng gửi cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận I. Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ quyết định khởi tố vụ án hình sự số 117/CQCSĐT-CSHS ngày 27/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận I đã khởi tố vụ án hình sự “Cố ý làm hư hỏng tài sản” xảy ra ngày 05/12/2021 tại 75/12 Đường G, Phường H, Quận I và đang tạm đình chỉ điều tra.

Căn cứ đơn tố cáo ngày 28/4/2022 của bà Trần Thị Kim E về hành vi cưỡng đoạt số tiền 2.300.000.000 đồng của ông Nguyễn Đức A và công văn trả lời số 121/GBT-VKS-KN ngày 06/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Quận I

đơn của bà E đã được chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận I và nội dung trên chưa được làm rõ.

Do vậy, liên quan đến việc nhận định quan hệ tranh chấp, số tiền tranh chấp mà bản án sơ thẩm đã giải quyết chưa được xem xét đánh giá theo đơn tố cáo của bà E.

Ngoài ra cấp sơ thẩm không đưa vợ ông A là bà Nguyễn Thị Thanh P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với yêu cầu của ông A rút một phần yêu cầu khởi kiện, các đương sự thống nhất và không có ý kiến nên vẫn giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Từ những nhận định trên, cần huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm để xem xét nội dung đánh giá một cách toàn diện; đảm bảo hai cấp xét xử.

Đề nghị huỷ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của toà án.

Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên đương sự không phải nộp phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 217, Điều 272, Điều 273, Khoản 2, khoản 3 Điều 296 và khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim E.
2. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đức A yêu cầu bà Trần Thị Kim E và ông Lê Quốc F trả nợ số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

Huỷ một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29/7/2022.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Kim E không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Kim E đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0007499 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận I;
- Tòa án nhân dân Quận I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà